

Số: 1262 /QĐ-SYT

Gia Lai, ngày 30 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh
tại Trung tâm Y tế Huyện Phú Thiện**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009:

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 22/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Gia Lai;

Xét Tờ trình số 473/TTr-TTYT ngày 20/11/2018 của Trung tâm Y tế Huyện Phú Thiện về việc đề nghị phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật thực hiện theo Thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 tại Trung tâm Y tế Huyện Phú Thiện.

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh tại Trung tâm Y tế huyện Phú Thiện, gồm: 340 danh mục kỹ thuật; trong đó có: 331 danh mục kỹ thuật đúng tuyến; 09 danh mục kỹ thuật vượt tuyến (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt là cơ sở pháp lý để triển khai công tác khám bệnh, chữa bệnh tại đơn vị, thanh toán Bảo hiểm Y tế và chuyển tuyến theo hướng dẫn phân tuyến chuyên môn kỹ thuật theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế.

Điều 3. Trung tâm Y tế huyện Phú Thiện phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, quy trình kỹ thuật chuyên môn của Bộ Y tế ban hành để đảm bảo an toàn sức khỏe cho người bệnh.

Điều 4. Các ông (bà): Trưởng các phòng chức năng của Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Phú Thiện và thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. /

Nơi nhận:

- Như điều 4;

- Lưu: VT, NVY

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đình Tuấn

SỞ Y TẾ GIA LAI
TRUNG TÂM Y TẾ PHÚ THIỆN

Số: 473/TTr-TTYT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 20 tháng 11 năm 2018

TỜ TRÌNH

Về việc xét, phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật phân tuyến khám bệnh, chữa bệnh triển khai thực hiện tại Bệnh viện đa khoa Phú Thiện năm 2018

Kính gửi: Sở Y tế Gia Lai

Thực hiện theo Quy chế bệnh viện ban hành kèm theo Quyết định số 1895/1997/QĐ-BYT ngày 19/9/1997 của Bộ trưởng Bộ Y tế về tổ chức hoạt động bệnh viện;

Thực hiện theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ vào biên bản họp Hội đồng chuyên môn xét danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo phân tuyến triển khai thực hiện tại Trung tâm y tế Phú Thiện;

Căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và năng lực thực hiện kỹ thuật của đơn vị;

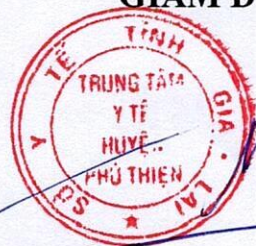
Nay Trung tâm y tế Phú Thiện kính trình Sở Y tế Gia Lai xem xét, tạo điều kiện và phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo phân tuyến nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho Trung tâm y tế Phú Thiện triển khai thực hiện các kỹ thuật chuyên môn theo phân tuyến phục vụ cho công tác khám bệnh, chữa bệnh đúng quy định và đảm bảo có cơ sở để làm căn cứ phát triển những kỹ thuật cao hơn ở thời gian tới. Đồng thời tạo điều kiện cho đơn vị đủ điều kiện theo quy định để được triển khai thêm các kỹ thuật chuyên môn phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân trên địa bàn.

Vậy Trung tâm y tế kính trình Sở y tế sớm xem xét và phê duyệt bổ sung Danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo phân tuyến đã được lập với khả năng thực hiện được đơn vị thực hiện được 340 kỹ thuật, trong đó có 331 kỹ thuật đúng phân tuyến, có 09 kỹ thuật vượt phân tuyến (có Danh mục kèm theo) để đơn vị sớm triển khai đúng quy định về khám bệnh, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC



Phạm Chí Quang

TRÍCH BIÊN BẢN

**Họp Hội đồng chuyên môn xét bổ sung danh mục kỹ thuật khám bệnh,
chữa bệnh theo phân tuyến năm 2018**

Hôm nay, vào lúc 8 giờ ngày 01 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường Trung tâm y tế huyện Phú Thiện tổ chức họp Hội đồng chuyên môn xét bổ sung danh mục kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh theo phân tuyến nhằm triển khai thực hiện hiệu quả công tác khám chữa bệnh, cũng như đảm bảo thực hiện đúng theo Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh

1. Thành phần dự họp gồm:

1. Ông Phạm Chí Quang	Giám đốc
2. Bà Rcom H' Juyen	Phó Giám đốc
3. Ông Phan Trung Hậu	Phó Phòng Kế hoạch tổng hợp
4. Ông Siu Blu	Trưởng Khoa Ngoại Sản
5. Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp	Phó Trưởng Khoa Khám – HSCC
6. Bà Siu H' Miên	Phó Trưởng Khoa Nội Nhi
7. Bà Trần Thị Trúc Hạnh	Phó Trưởng Khoa Cận Lâm Sàng
8. Bà Bùi Thị Cúc	Phó Khoa Dược
9. Ông Đàm Xuân Lực	Phó Phòng Điều dưỡng

- Chủ trì cuộc họp:	Ông Phạm Chí Quang	Giám đốc
- Thư ký cuộc họp:	Ông Phan Trung Hậu	Phòng Kế hoạch tổng hợp

2. Nội dung cuộc họp:

Đ/c Phạm Chí Quang, Giám đốc Trung tâm y tế, chủ trì cuộc họp nêu khái quát nội dung Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh kèm theo danh mục kỹ thuật phân tuyến theo 28 chuyên khoa.

Sau khi nắm bắt nội dung thông tư 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế và danh mục kỹ thuật theo từng chuyên khoa được phân tuyến kèm theo. Hội đồng chuyên môn thống nhất nội dung như sau:

- Căn cứ vào điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực và năng lực thực hiện kỹ thuật của đơn vị, đơn vị thực hiện được 340 kỹ thuật, trong đó có 331 kỹ thuật đúng phân tuyến, có 09 kỹ thuật vượt phân tuyến.

- Số lượng kỹ thuật thực hiện bổ sung được theo từng chuyên khoa cụ thể như sau:

TT	NỘI DUNG	KỸ THUẬT PHÊ DUYỆT		
		ĐÚNG TUYỂN	VƯỢT TUYỂN	TỔNG THỰC HIỆN
I	Hồi sức cấp cứu và Chống độc	11	0	11
II	Nội khoa	08	0	08
III	Nhi khoa	127	0	127
IV	Lao (ngoại lao)	0	0	0
V	Da liễu	0	0	0
VI	Tâm thần	2	0	2
VII	Nội tiết	03	0	03
VIII	Y học cổ truyền	26	0	26
IX	Gây mê hồi sức	15	0	15
X	Ngoại khoa	06	0	06
XI	Bỏng	04	0	04
XII	Ung bướu	03	0	03
XIII	Phụ sản	33	0	33
XIV	Mắt	13	0	13
XV	Tai mũi họng	10	0	10
XVI	Răng hàm mặt	0	0	0
XVII	Phục hồi chức năng	0	0	0
XVIII	Điện quang	10	0	10
XIX	Y học hạt nhân	0	0	0
XX	Nội soi chẩn đoán, can thiệp	0	0	0
XXI	Thăm dò chức năng	03	0	03
XXII	Huyết học - truyền máu	26	0	26
XXIII	Hoá sinh	19	08	27
XXIV	Vi sinh, ký sinh trùng	07	0	07
XXV	Giải phẫu bệnh và Tế bào bệnh học	11	01	12
XXVI	Vi phẫu	0	0	0
XXVII	Phẫu thuật nội soi	0	0	0
XXVIII	Tạo hình- Thẩm mỹ	0	0	0
	Tổng cộng	331	09	340

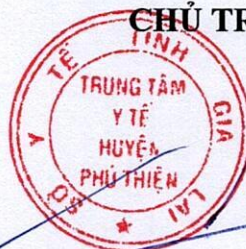
Cuộc họp kết thúc vào lúc 11 giờ cùng ngày với sự nhất trí của các thành viên hội đồng./.

THƯ KÝ



Phan Trung Hậu

CHỦ TRÌ



Phạm Chí Quang

Gia Lai, ngày tháng năm 2018

BẢN KÊ KHAI CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ Y TẾ, NHÂN SỰ

I. BẢN KÊ KHAI NHÂN SỰ BỆNH VIỆN:

1. BAN GIÁM ĐỐC

Stt	Họ và tên người hành nghề	Trình độ chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Thời gian đăng ký làm việc	Vị trí chuyên môn
1	Phạm Chí Quang	Bác sỹ CKI Hồi sức CC	000044/GL-CCHN	Toàn thời gian	Giám đốc
2	Rcom H' Juyên	Bác sỹ CKI nhi	0001378/GL-CCHN	Toàn thời gian	Phó Giám đốc

2. PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

Stt	Họ và tên người hành nghề	Trình độ chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Thời gian đăng ký làm việc	Vị trí chuyên môn
1	Nguyễn Thị Minh Huệ	Cử nhân YTCC		Toàn thời gian	Phó phòng
2	Bùi Văn Thắng	Kỹ sư CNTT		Toàn thời gian	Chuyên viên
3	Võ Thị Diệu Hiền	Trung cấp văn thư		Toàn thời gian	Nhân viên
4	Nguyễn Minh Nhật	Điện nước		Toàn thời gian	Nhân viên
5	Hoàng Văn Sỹ	Y công, bảo		Toàn thời	Nhân viên

		vệ		gian	
6	Vũ Huy Tường	Bảo vệ		Toàn thời gian	Nhân viên
7	Hồ Xuân Thắng	Lái xe		Toàn thời gian	Nhân viên
8	Tổng Văn Minh	Y sỹ		Toàn thời gian	Phó phòng

3. PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP

Stt	Họ và tên người hành nghề	Trình độ chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Thời gian đăng ký làm việc	Vị trí chuyên môn
1	Phan Trung Hậu	Quản trị bệnh viện		Toàn thời gian	Phó phòng
2	Phạm Thị Quý	Cao đẳng điều dưỡng GMHS		Toàn thời gian	Nhân viên
3	Dương Thị Thảo	Y sỹ		Toàn thời gian	Nhân viên

4. PHÒNG KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Stt	Họ và tên người hành nghề	Trình độ chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Thời gian đăng ký làm việc	Vị trí chuyên môn
1	Lê Thị Nhẫn	Đại học Kế toán		Toàn thời gian	Phó phòng
2	Trần Thị Thu Phương	Đại học Kế toán		Toàn thời gian	Nhân viên
3	Rcom Tabitha	Đại học Kế toán		Toàn thời gian	Nhân viên

				gian	
4	Lê Thị Nhung	Đại học Kế toán		Toàn thời gian	Nhân viên

5. PHÒNG ĐIỀU DƯỠNG

Stt	Họ và tên người hành nghề	Trình độ chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Thời gian đăng ký làm việc	Vị trí chuyên môn
1	Nguyễn Thị Minh Hà	Trung cấp Điều dưỡng	0001318/GL-CCHN	Toàn thời gian	Điều dưỡng
2	Đàm Xuân Lục	Cao đẳng điều dưỡng	0001362/GL-CCHN	Toàn thời gian	Phó phòng

6. KHOA KHÁM - HỒI SỨC CẤP CỨU

Stt	Họ và tên người hành nghề	Trình độ chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Thời gian đăng ký làm việc	Vị trí chuyên môn
1	Huỳnh Thị Ngọc Diệp	Bác sỹ đa khoa	0003813/GL-CCHN	Toàn thời gian	Phó khoa
2	Nguyễn Thị Thu Mai	Bác sỹ đa khoa	0003861/GL-CCHN	Toàn thời gian	Bác sỹ
3	Phạm Đình Tiến	Bác sỹ đa khoa	0003814/GL-CCHN	Toàn thời gian	Bác sỹ
4	Rah Lan H' Hương	Bác sỹ đa khoa	006286/GL-CCHN	Toàn thời gian	Bác sỹ
5	Nguyễn Thành Chung	Bác sỹ đa khoa	chưa đủ thời gian	Toàn thời gian	Bác sỹ

6	Ksor Đới	Bác sỹ đa khoa	chưa đủ thời gian	Toàn thời gian	Bác sỹ
7	Nay H' Ngoan	Cao đẳng điều dưỡng	0001376/GL-CCHN	Toàn thời gian	Điều dưỡng
8	Lò Thị Huyền	Cao đẳng điều dưỡng	0001391/GL-CCHN	Toàn thời gian	Điều dưỡng
9	Trần Thị Hà	Hộ sinh trung cấp	0003643/GL-CCHN	Toàn thời gian	Hộ sinh
10	Đỗ Thị Thúy	Cử nhân điều dưỡng	002139/BRVT-CCHN	Toàn thời gian	Điều dưỡng
11	Vũ Văn Phú	Trung cấp điều dưỡng	0001341/GL-CCHN	Toàn thời gian	Điều dưỡng
12	Phạm Thị Bích Thủy	Cử nhân điều dưỡng đại học	0001363/GL-CCHN	Toàn thời gian	Điều dưỡng
13	Nay Y Linh	Hộ lý		Toàn thời gian	Hộ lý
14	Trần Thị Trang	Y sỹ đa khoa	0003811/GL-CCHN	Toàn thời gian	Y sỹ
15	Rmah Đen	Bác sỹ đa khoa	chưa đủ thời gian	Toàn thời gian	Bác sỹ
16	Phạm Thị Kim Khanh	Sơ cấp điều dưỡng		Toàn thời gian	Điều dưỡng
17	Phạm Thị Khởi	Y sỹ	0003819/GL-CCHN	Toàn thời gian	Y sỹ
18	Kpăh Im	Y sỹ	006468/GL-CCHN	Toàn thời gian	Y sỹ

7. KHOA NỘI NHỊ

Stt	Họ và tên người hành nghề	Trình độ chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Thời gian đăng ký làm việc	Vị trí chuyên môn
1	Mã Thị Thu Huyền	Bác sỹ đa khoa	0003628/GL-CCHN	Toàn thời gian	Phó khoa
2	Siu H' Miên	Bác sỹ đa khoa	006352/GL-CCHN	Toàn thời gian	Bác sỹ
3	Vi Thị Ngọc Thúy	Bác sỹ đa khoa	chưa đủ thời gian	Toàn thời gian	Bác sỹ
4	Nguyễn Thị Chanh	Cao đẳng điều dưỡng	0001349/GL-CCHN	Toàn thời gian	Điều dưỡng
5	Đàm Thị Hồng	Trung cấp điều dưỡng	0001544/GL-CCHN	Toàn thời gian	Điều dưỡng
6	Nguyễn Thu Trang	Trung cấp điều dưỡng	0001356/GL-CCHN	Toàn thời gian	Điều dưỡng
7	Đỗ Thị Kim Thoa	Trung cấp điều dưỡng	0001357/GL-CCHN	Toàn thời gian	Điều dưỡng
8	Đỗ Thị Thanh Sang	Y sỹ đa khoa	0001360/GL-CCHN	Toàn thời gian	Y sỹ
9	Nguyễn Thị Oanh	Trung cấp điều dưỡng	0001352/GL-CCHN	Toàn thời gian	Điều dưỡng trưởng
10	Phạm Thị Duyên	Cao đẳng điều dưỡng	0002888/GL-CCHN	Toàn thời gian	Điều dưỡng
11	Lê Thị Hiên	Trung cấp điều dưỡng	00001817/GL-CCH	Toàn thời gian	
12	Ksor H' Blin	Trung cấp điều	0003815/GL-	Toàn thời	Điều dưỡng

		dưỡng	CCHN	gian	
13	Nguyễn Phương Ngân	Trung cấp điều dưỡng	0003817/GL-CCHN	Toàn thời gian	Điều dưỡng

8. KHOA NGOẠI SẢN

Stt	Họ và tên người hành nghề	Trình độ chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Thời gian đăng ký làm việc	Vị trí chuyên môn
1	Siu Blu	Bác sỹ CKI Ngoại tổng quát	0001313/GL-CCHN	Toàn thời gian	Trưởng khoa
2	R' Ô Thức	Bác sĩ đa khoa		Toàn thời gian	Bác sĩ đa khoa
3	Phạm văn Điệp	Bác sĩ định hướng gây mê hồi sức		Toàn thời gian	Bác sĩ định hướng gây mê hồi sức
4	Mã Thị Lan	Trung cấp Nữ hộ sinh	0001364/GL-CCHN	Toàn thời gian	Nữ hộ sinh trưởng
5	Lương Thị Nguyệt Thảo	Trung cấp Nữ hộ sinh	0001393/GL-CCHN	Toàn thời gian	Nữ hộ sinh
6	Phạm Ngọc Thúy	Trung cấp Nữ hộ sinh	0001316/GL-CCHN	Toàn thời gian	Nữ hộ sinh
7	Nguyễn Thị Thu Hiền	Trung cấp Nữ hộ sinh	0001340/GL-CCHN	Toàn thời gian	Nữ hộ sinh
8	Tổng Thị Xen	Cử nhân Nữ hộ sinh đại học	0001315/GL-CCHN	Toàn thời gian	Nữ hộ sinh
9	Trần Ngọc Lụa	Trung cấp Nữ	0002443/GL-	Toàn thời	Nữ hộ sinh

		hộ sinh	CCHN	gian	
10	Lê Minh Thanh	Y sĩ đa khoa	0003805/GL-CCHN	Toàn thời gian	Y sĩ đa khoa
11	Rcom H' Ning	Hộ lý		Toàn thời gian	Hộ lý

9. KHOA Y HỌC CỔ TRUYỀN & PHCN

Stt	Họ và tên người hành nghề	Trình độ chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Thời gian đăng ký làm việc	Vị trí chuyên môn
1	Mã Thị Út Thảo	Bác sỹ YHCT	004234/GL-CCHN	Toàn thời gian	Bác sỹ YHCT
2	Trần Ngọc Lợi	Y sỹ Y học cổ truyền	0001348/GL-CCHN	Toàn thời gian	Y sỹ
3	Hoàng Văn Hữu	Y sỹ YHCT	006471/GL-CCHN	Toàn thời gian	Y sỹ YHCT
4	Lê Thị Kim Phương	Trung cấp Điều dưỡng	1373/BĐ-CCHN	Toàn thời gian	Điều dưỡng

10. KHOA CẬN LÂM SÀNG

Stt	Họ và tên người hành nghề	Trình độ chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Thời gian đăng ký làm việc	Vị trí chuyên môn
1	Tổng Thị Huyền	Trung cấp KTV xét nghiệm	0001353/GL-CCHN	Toàn thời gian	Phó khoa
2	Nguyễn Thị Bạch An	Trung cấp KTV xét nghiệm	0001345/GL-CCHN	Toàn thời gian	Kỹ thuật viên

3	Trần Thị Trúc Hạnh	Cử nhân KTV xét nghiệm	0001392/GL- CCHN	Toàn thời gian	Phó khoa
4	Trần Văn Đính	Trung cấp KTV Chẩn đoán hình ảnh	0001394/GL- CCHN	Toàn thời gian	Kỹ thuật viên
5	Đặng Văn Giang	Cao đẳng KTV Chẩn đoán hình ảnh		Toàn thời gian	Kỹ thuật viên
6	Nguyễn Thị Thảo	Trung cấp KTV xét nghiệm	006285/GL- CCHN	Toàn thời gian	Kỹ thuật viên
7	Hoàng Thị Duyến	Hộ lý		Toàn thời gian	Hộ lý

11. KHOA DƯỢC

Stt	Họ và tên người hành nghề	Trình độ chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Thời gian đăng ký làm việc	Vị trí chuyên môn
1	Bùi Thị Cúc	Dược sỹ Trung cấp		Toàn thời gian	Phó khoa
2	Phan Đình Trọng Huy	Dược sỹ Trung cấp		Toàn thời gian	Dược sỹ
3	Nguyễn Thị Tuấn	Dược sỹ đại học		Toàn thời gian	Dược sỹ
4	Nguyễn Thị Giang	Dược sỹ Trung cấp		Toàn thời gian	Dược sỹ
5	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	Dược sỹ Trung cấp		Toàn thời gian	Dược sỹ
6	Đỗ Ngọc Tú Anh	Dược sỹ Trung		Toàn thời	Dược sỹ

		cấp		gian	
--	--	-----	--	------	--

Số nhân viên làm việc toàn thời gian trong từng khoa đạt như sau:

- Khoa Khám - HSCC: 100%.
- Khoa Nội nhi: 100%.
- Khoa Ngoại sản: 100%.
- Khoa Dược: 100%.
- Khoa Cận lâm sàng: 100%.
- Khối Hành chính: 100%.

II. CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG

1. Cơ sở hạ tầng

- Diện tích mặt bằng đơn vị: 30.988 m², diện tích xây dựng sử dụng: 2778,5 m², bình quân diện tích 55,57 m²/ giường bệnh.

Đơn vị Bệnh viện đa khoa Phú Thiện bao gồm 03 tòa nhà 02 tầng và 06 tòa nhà 01 tầng và một số hạng mục phụ trợ được bố trí như sau:

1.1. Tòa nhà 02 tầng: (gồm Khu hành chính; Khoa Khám - HSCC, Khoa Nội nhi; Ngoại sản; Cận lâm sàng và khu phòng mổ).

*** Tòa nhà thứ nhất (gồm Khối hành chính và khoa Khám - HSCC):** Diện tích xây dựng: 600 m², Diện tích sàn: 1.168 m²

Tầng 01 gồm: Khoa Khám - HSCC và phòng thu Viện phí, phòng cấp Phát thuốc.

Tầng 02 gồm: Phòng Giám đốc, Phòng Phó Giám đốc, Phòng Giao ban Khoa Khám - HSCC, Phòng Tổ chức hành chính gồm 04 phòng, Phòng Tài vụ: gồm 02 phòng, Phòng Kế hoạch tổng hợp: gồm 02 phòng, Phòng Điều dưỡng, Phòng Hội trường chung, Phòng trực bác sỹ nam, Phòng trực bác sỹ nữ, Khu nhà vệ sinh gồm 02 khu nhà vệ sinh và phòng trực hộ lý khối hành chính.

*** Tòa nhà thứ hai (gồm Khoa Ngoại sản và khoa Nội nhi):** Diện tích xây dựng: 546 m², Diện tích sàn: 1.063 m²

Tầng 01: Khoa Ngoại sản: diện tích xây dựng: 273 m².

Tầng 02:

Khoa Nội nhi: diện tích xây dựng: 273 m².

*** Tòa nhà thứ ba (gồm Khoa CLS và khu mổ):** Diện tích xây dựng: 400 m², Diện tích sàn: 790 m²

1.2. Tòa nhà 01 tầng gồm: (Khoa Dược, Nhà ở đồng bảo, nhà xác, phòng Bảo vệ, Can tin nhà giặt, nhà kho và để xe cứu thương, Nhà điều trị lây, nhiễm).

- Khoa Dược: diện tích xây dựng: 124,7 m².
- Căn tin và nhà giặt: diện tích xây dựng: 364,3 m².

- Nhà ở đồng bào: diện tích xây dựng: 124,7 m².
- Nhà điều trị lây, nhiễm: diện tích xây dựng: 124,7 m².
- Nhà xác: diện tích xây dựng: 54,5 m².

Các công trình phụ trợ:

- Nhà để xe cứu thương: diện tích xây dựng: 48 m².
- Nhà bảo vệ: diện tích xây dựng: 10 m².
- Nhà để xe gắn máy: diện tích xây dựng 90 m².
- Cầu nổi: diện tích xây dựng: 291,6 m²

2. Các điều kiện vệ sinh môi trường:

2.1. Xử lý nước thải:

Thu gom nước thải y tế chung toàn viện, nước thải từ các nguồn thải khác nhau như: nước thải sinh hoạt của bệnh nhân, y bác sỹ, nước thải phòng xét nghiệm, các khoa Khám - HSCC, Ngoại sản, Nội nhi có chứa nhiều hóa chất, được xử lý bằng hầm rút tự hoại đã qua xử lý của Bệnh viện.

2.2. Xử lý rác Y tế, rác sinh hoạt.

- Rác thải Y tế được xử lý bằng lò đốt rác thải y tế của Bệnh viện.
- Rác thải sinh hoạt được Ban quản lý Đô thị huyện Phú Thiện thu gom và xử lý (*gửi kèm theo hợp đồng vận chuyển rác thải sinh hoạt*).

2.3. An toàn bức xạ: đã được kiểm định.

3. Hệ thống phụ trợ:

3.1. Phòng cháy, chữa cháy:

- Bệnh viện đa khoa huyện Phú Thiện đã được thẩm duyệt phương án Phòng cháy, chữa cháy tại chỗ của phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy công an tỉnh Gia Lai đối với Bệnh viện đa khoa huyện ngày 28/02/2014 (*gửi kèm theo Bản pho to công chứng*).

3.2. Thông tin liên lạc:

- Bệnh viện có hệ thống điện thoại liên lạc nội bộ;
- Bệnh viện có hệ thống vi tính nối mạng toàn viện và kết nối Internet;
- Bệnh viện có phần mềm kế toán Misa.
- Bệnh viện có hệ thống biển báo.

III. TRANG THIẾT BỊ Y TẾ:

STT	Tên thiết bị*	Công ty sản xuất	Nước sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng
-----	---------------	------------------	---------------	----------	--------------------

(1)	(2)	(4)	(5)	(7)	(8)
1	Máy X-quang cao tần $\geq 630\text{mA}$	Control-X	Mỹ	1	Tốt
2	Máy rửa phim X-Quang tự động ≥ 60 Film/Giờ	ELK	Nhật	1	Tốt
3	Máy huyết học 18 thông số	SFRI	Pháp	1	Tốt
4	Máy phân tích nước tiểu 10 thông số	Siemens	Anh	1	Tốt
5	Máy ly tâm đa năng ≥ 6000 vòng/phút		Đức	1	Tốt
6	Kính hiển vi 2 mắt	LW Scientific	Mỹ	1	Hỏng
7	Micropipette các loại 10 μl -100 μl ; 20 μl -200 μl ; 100 μl -1000 μl	Nichiryo	Nhật	1	Tốt
8	Cân kỹ thuật 0,1 gam (Max 500mg)	SHIMADZU	Philippin	1	Tốt
9	Máy thở (Chạy điện, dùng khí nén tự cấp)	Maquet	Thụy Điển	1	Tốt
10	Máy thở trẻ em + máy nén khí	Maquet	Thụy Điển	1	Tốt
11	Monitor theo dõi 5 thông số	Advanced	Mỹ	1	Tốt
12	Máy bơm truyền dịch	Tumero	Nhật	2	Tốt
13	Bơm tiêm tĩnh mạch	Tumero	Nhật	2	Tốt
14	Máy đo nhịp tim 3 kênh (Kênh)	Advanced	Mỹ	2	Tốt
15	Máy hút dịch		Đài Loan	3	Tốt
16	Bơm rửa nội khí quản (3 lỗ))	STANDARD MACINTOSH	Đức	1	Tốt
17	Bộ mở khí quản	Sklar+Thomson	Mỹ+Đức+Thái Lan	1	Tốt
18	Giường cấp cứu đa năng	Sigma-Care	Đài Loan	1	Tốt
19	Máy gây mê kèm máy thở+máy nén khí	Infinium	Mỹ	1	Tốt
20	Máy hút điện chạy liên tục áp lực thấp	Advanced	Mỹ	1	Tốt
21	Monitor phòng mổ 6 thông số	Advanced	Mỹ	1	Tốt
22	Bàn mổ đa năng thủy lực			1	Tốt

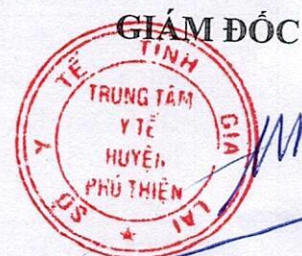
23	Máy phun dịch khử trùng phòng mổ	Advanced	Mỹ	1	Tốt
24	Bộ tiểu phẫu		Pakistan	1	Tốt
25	Đèn mổ treo trần > 120.000 lux	Sturdy	Đài Loan	1	Tốt
26	Đèn mổ di động > 60.000 lux có ắc quy	Sturdy	Đài Loan	1	Tốt
27	Bộ đặt nội khí quản	STANDARD MACINTOSH	Đức	2	Tốt
28	Loàng haáp sô sinh	Yon Don – Enterprise Co	Đài Loan	1	Tốt
29	Monitor sản khoa 2 chức năng	Advanced	Mỹ	1	Tốt
30	Máy phun khí dung siêu âm	Omron	Nhật Bản	1	Tốt
31	Máy tạo oxy di động 5 lít/phút	AirSep	Mỹ	1	Tốt
32	Máy đo độ bão hòa oxy	Advanced	Mỹ	1	Tốt
33	Đèn soi đáy mắt	Riester	Đức	1	Tốt
34	Đèn khám mắt hình búa	Riester	Đức	1	Tốt
35	Bộ kính thử thị lực kèm theo gọng(Cận viễn)	Yuyue	Trung Quốc	1	Tốt
36	Máy xông khí dung		Trung Quốc	1	Hồng
37	Ghế khám răng đơn giản		Việt Nam	1	Tốt
38	Bộ kiểm nhỏ răng người lớn, 17 chi tiết		Pakistan	1	Tốt
39	Bảng thị lực có đèn		Việt Nam	3	Tốt
40	Nồi hấp chạy điện inox		Trung Quốc	1	Tốt
41	Tủ sấy điện		Việt Nam	12	04 hồng
42	Nồi luộc dụng cụ chạy điện cho trạm y tế xã		Trung Quốc	9	Tốt
43	Đèn khám bệnh		Việt Nam	8	Hồng 2
44	Bàn khám bệnh		Việt Nam	6	Hồng 1
45	Cáng tay		Việt Nam	6	Tốt

46	Bàn mổ tiểu phẫu		Việt Nam	4	Tốt
47	Nồi hấp tiệt trùng		Đài Loan	1	Hồng
48	Máy Sieâu âm cầm tay	BASIC	Ấn Độ	1	Tốt
49	Máy xông khí dung		Ý	2	Hồng 1
50	Máy lắc bình cầu 6 chỗ cái		Mỹ	1	Tốt
51	Xe đẩy bình oxy inox 6 khối		Việt nam	4	Hồng 2
52	Tủ sấy - Clas B	Memmert	Đức	1	Tốt
53	Máy Bơm tiêm điện	Codan	Thụy Sĩ	1	Hồng
54	Máy đo SpO2 để bàn	Infinium	Mỹ	1	Hồng
55	Máy đo điện tiêm 3 cần	Danatech	Mỹ	1	Tốt
56	Máy theo dõi tim thai	Danatech	Mỹ	1	Hồng
57	Máy xông khí dung		Mỹ	2	Hồng 1
58	Bộ đặt nội khí Quản trẻ em		Pakistan	1	Hồng đèn
59	Cân có thước đo		Trung Quốc	1	Hồng
60	Micropipet 20 μ đến 200 μ		Thụy Sĩ	1	Tốt
61	Máy xét nghiệm sinh hóa bán tự động		Hà Lan	1	Tốt
62	Máy li tâm		Trung Quốc	1	Tốt
63	Máy phân tích nước tiểu 11 thông số	UryxxonRelax	Đức	1	Tốt
64	Máy hút áp lực thấp chạy liên tục	Advanced	Mỹ	1	Tốt
65	Nồi hấp dụng cụ 18 lít		Trung Quốc	1	Hồng
66	Micropipet 10-100microlit	Socorex	Thụy Sĩ	1	Tốt
67	Micropipet 500microlit	Socorex	Thụy Sĩ	1	Tốt
68	Micropipet 1000microlit	Socorex	Thụy Sĩ	1	Tốt
69	Xe đẩy cán BN có đệm		Việt Nam	1	Tốt
70	Bàn khám bệnh có đệm		Việt Nam	1	Hồng
71	Bàn tiểu phẫu có đệm		Việt Nam	1	Hồng
72	Xe đẩy dụng cụ		Việt Nam	1	Tốt
73	Xe đẩy dụng cụ		Việt Nam	1	Tốt
74	Tủ lạnh LG đựng hóa chất		Hàn Quốc	1	Tốt
75	Bình Ôxy đang lưu hành Trọng lượng 6.3 khối		Trung Quốc	2	Tốt
76	Bình Ôxy đang lưu hành Trọng lượng 6.3 khối		Trung Quốc	9	Tốt
77	Máy hút ẩm	Edison	Thái Lan	1	Tốt
78	Bình Oxy Thê tích hơi 6m3 chưa đăng ký kiểm tra áp lực,lưu hành tại VN (TQ)		Việt Nam	10	Tốt
79	Máy giặt 17 kg	LG	Hàn Quốc	1	Tốt

80	Máy hiệu ứng nhiệt VN)		Việt Nam	1	Tốt
81	Máy Xong khí dung		Mỹ (TQ)	2	Tốt
82	Kính hiển vi 2 maét		Trung Quốc	1	Tốt
83	Labo tiệt trùng tự động hai vòi	Bidiphar	Việt Nam	1	Tốt
84	Giường cấp cứu đa năng		Nhật	4	Tốt
85	Bộ phẫu thuật đại phẫu	Erbrich-Instrumente Gmbh	Đức	1	Tốt
86	Nồi hấp 75 lít chạy điện	Sturdy	Đài Loan	1	Tốt
87	Máy siêu âm Doppler màu 3D	GE Healthcare	Mỹ	1	Tốt
88	Xe đẩy tiêm thuốc 2 tầng		Việt Nam	2	Tốt
89	Đèn đọc phim các loại		Việt Nam	4	Tốt
90	Bàn khám bệnh INOX có đệm trẻ em		Việt Nam	1	Tốt
91	Giường bệnh nhân người lớn		Việt Nam	1	Tốt
92	Nệm giường các loại		Việt Nam	68	Tốt
93	Tủ đầu giường		Việt Nam	33	Tốt
94	AmPu bóp bóng người lớn		Đài Loan	6	Tốt
95	Ampu bóp bóng trẻ em		Đài Loan	2	Tốt
96	Máy điện châm		Việt Nam	10	Tốt
97	Huyết áp kế người lớn + ống nghe		Nhật Bản	15	Tốt
98	Đèn chiếu halogen		Trung Quốc	1	Tốt
99	Xe đẩy tiêm thuốc 4 hộc		Việt Nam	3	Tốt
100	Hệ thống đầu đọc X-quang kỹ thuật số CR	Agfa Healthcare-Bi	Đức	1	Tốt
101	Bơm tiêm điện	Terumo	Nhật	3	Tốt
102	Máy siêu âm điều trị	Shinjin	Hàn Quốc	1	Tốt
103	Máy đo tốc độ lắng máu	MTI Diagnostics GmbH	Đức	1	Tốt

PHÒNG TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH

[Signature]
Nguyễn Thị Minh Huệ



Phạm Chí Quang

I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
45	Dùng thuốc chống đông			X	
61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ)			X	
73	Mở khí quản thường quy			X	
91	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhầy giáp			X	
161	Chọc hút nước tiểu trên xương mu			X	
170	Bài niệu cưỡng bức ≤ 8 giờ			X	
202	Chọc dịch tủy sống			X	
271	Dùng thuốc kháng độc điều trị giải độc			X	
273	Điều trị giải độc bằng huyết thanh kháng nọc đặc hiệu			X	
285	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường			X	
297	Định lượng nhanh Troponin T trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay			X	

Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu và chống độc đề nghị phê duyệt bổ sung: 11 kỹ thuật. Trong đó có 11 kỹ thuật đúng phân tuyến, 0 kỹ thuật vượt phân tuyến.

II. NỘI KHOA

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. HÔ HẤP				
11	Chọc hút khí màng phổi			X	
243	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị			X	
313	Rửa dạ dày cấp cứu			X	
314	Siêu âm ổ bụng			X	
333	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu dịch màng bụng liên tục			X	
349	Hút dịch khớp gối			X	
361	Hút nang bao hoạt dịch			X	
363	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm			X	

Chuyên khoa Nội khoa đề nghị phê duyệt bổ sung: 08 kỹ thuật. Trong đó có 08 kỹ thuật đúng phân tuyến, 0 kỹ thuật vượt phân tuyến.

III. NHI KHOA

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN			
		KỸ THUẬT			
		3			
1	2	A	B	C	D
	I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
	A. TUẦN HOÀN				
33	Đặt catheter động mạch			X	
34	Đặt catheter tĩnh mạch rốn ở trẻ sơ sinh			X	
35	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm			X	
36	Đo áp lực động mạch liên tục			X	
37	Đo áp lực tĩnh mạch trung tâm liên tục			X	
	B. HÔ HẤP				
75	Cai máy thở			X	
76	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy.			X	
77	Đặt ống nội khí quản			X	
78	Mở khí quản			X	
82	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BIPAP)			X	
83	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản			X	
85	Mở màng phổi tối thiểu			X	
88	Thăm dò chức năng hô hấp			X	
90	Khí dung thuốc thở máy			X	
91	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter một lần			X	
92	Hút đờm qua ống nội khí quản bằng catheter kín			X	
93	Vận động trị liệu hô hấp			X	
98	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhĩ giáp			X	
100	Rút catheter khí quản			X	
101	Thay canuyn mở khí quản			X	
102	Chăm sóc lỗ mở khí quản			X	
104	Mở màng giáp nhĩ cấp cứu			X	
111	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube)			X	
	C. THẬN – LỘC MÁU				
131	Rửa bàng quang lấy máu cục			X	
132	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang			X	
	D. THẬN KINH				
137	Xử trí tăng áp lực nội sọ			X	
151	Điều trị giãn cơ trong cấp cứu			X	
	Đ. TIÊU HÓA				
164	Dẫn lu-u ổ bụng cấp cứu			X	
165	Chọc dò ổ bụng cấp cứu			X	
169	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín			X	
170	Đo áp lực ổ bụng			X	
175	Nuôi d-ưỡng ng-ười bệnh qua lỗ mở dạ dày			X	
180	Nuôi d-ưỡng ng-ười bệnh bằng đư-ờng truyền tĩnh mạch ngoại biên			X	

181	Nuôi d-ưỡng ng-ười bệnh qua Catheter thực quản dạ dày bằng bơm tay			X	
	E. TOÀN THÂN				
199	Xoa bóp phòng chống loét			X	
200	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng			X	
208	Lấy máu tĩnh mạch bẹn			X	
	G. XÉT NGHIỆM ĐỘC CHẤT NHANH				
213	Làm test nhanh chẩn đoán ngộ độc cấp			X	
214	Định tính chất độc trong nước tiểu bằng test nhanh			X	
215	Đo các chất khí trong máu			X	
217	Định tính chất độc trong máu bằng test nhanh			X	
	II. TÂM THẦN				
237	Trắc nghiệm tâm lý Beck			X	
238	Trắc nghiệm tâm lý Zung			X	
239	Trắc nghiệm tâm lý Raven			X	
240	Trắc nghiệm tâm lý Wais và Wics (thang Weschler)			X	
242	Liệu pháp thư giãn luyện tập			X	
249	Trắc nghiệm tâm lý Hamilton			X	
259	Xử trí người bệnh không ăn			X	
260	Xử trí ngộ độc thuốc hướng thần			X	
261	Liệu pháp tâm lý nhóm			X	
262	Liệu pháp tâm lý gia đình			X	
	IX. MẮT				
1655	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)			X	
1657	Phẫu thuật mộng đơn thuần			X	
1658	Lấy dị vật giác mạc			X	
1661	Chích dẫn lưu túi lệ			X	
1663	Khâu da mi			X	
1664	Khâu phục hồi bờ mi			X	
1685	Bơm thông lệ đạo			X	
1692	Bơm rửa lệ đạo			X	
1693	Chích chấp, lẹo, chích áp xe mi, kết mạc			X	
1695	Rửa cùng đồ			X	
1703	Cắt chỉ khâu da			X	
	X. RĂNG HÀM MẶT				
	A. RĂNG				
1926	Điều trị viêm lợi do mọc răng			X	
1927	Điều trị viêm quanh thân răng cấp			X	
1928	Điều trị viêm quanh răng			X	
1957	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em			X	
1958	Chích Apxe lợi trẻ em			X	
1959	Điều trị viêm lợi trẻ em			X	
1960	Chích áp xe lợi			X	
1961	Điều trị viêm lợi do mọc răng			X	
	XI. TAI MŨI HỌNG				
	A. TAI				
2115	Khâu vành tai rách sau chấn thương			X	
2118	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai			X	
2125	Lấy dây tai (nút biểu bì)			X	
	C. HỌNG – THANH QUẢN				

2175	Chích áp xe thành sau họng			X	
2178	Lấy dị vật hạ họng			X	
2185	Bơm rửa đường hô hấp qua nội khí quản			X	
2189	Sơ cứu bông kỳ đầu đ-ường hô hấp			X	
	XII. PHỤ KHOA-SƠ SINH				
2262	Lấy dị vật âm đạo			X	
2263	Khâu rách cùng đồ âm đạo			X	
2264	Làm lại thành âm đạo, tăng sinh môn			X	
	XIII. NỘI KHOA				
	B. TIM MẠCH – HÔ HẤP				
2330	Kỹ thuật dẫn lưu tư thế điều trị giãn phế quản, áp xe phổi			X	
2331	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ áp xe			X	
	C. TIÊU HÓA				
2353	Tiêm xơ điều trị trĩ			X	
2354	Chọc dịch màng bụng			X	
2355	Dẫn lưu dịch màng bụng			X	
2356	Chọc hút áp xe thành bụng			X	
2359	Nong hậu môn			X	
	XV. UNG BƯỚU- NHI				
	A. ĐẦU CŔ				
2456	Cắt u da đầu lành, đường kính dưới 5 cm			X	
2457	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính dưới 10 cm			X	
2458	Cắt u máu dưới da đầu có đ-ường kính dưới 5 cm			X	
	K. PHỤ KHOA				
2733	Cắt u thành âm đạo			X	
2734	Bóc nang tuyến Bartholin			X	
	XVIII. DA LIỄU				
	B. ĐIỀU TRỊ NGOẠI KHOA DA LIỄU				
3030	Phẫu thuật móng: bóc móng, móng chọc thịt, móng cuộn...			X	
3031	Chích rạch áp xe nhỏ			X	
3032	Chích rạch áp xe lớn, dẫn lưu			X	
3033	Nạo vết lõm sẹo không viêm xư-ong			X	
3034	Nạo vết lõm sẹo có viêm x-ương			X	
	XIX. NGOẠI KHOA				
	C. TIÊU HÓA – BỤNG				
	3. Ruột non - ruột già				
3332	Dẫn lưu áp xe ruột thừa			X	
	5. Bẹn - Bụng				
3399	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản			X	
3400	Lấy máu tụ tăng sinh môn			X	
3405	Chọc dò túi cùng Douglas			X	
3406	Chích áp xe tăng sinh môn			X	
3407	Phẫu thuật vết thương tăng sinh môn đơn giản			X	
	D. GAN- MẬT – LÁCH – TỤY				
	Đ. TIẾT NIỆU – SINH DỤC				
	1. Thận				
3489	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận			X	
	3. Bàng quang				
3533	Dẫn lưu n-ước tiểu bàng quang			X	
	4. Niệu đạo				

3549	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nư-ớc tiểu			X	
	5. Sinh dục				
3600	Rạch rộng vòng thắt nghệt bao quy đầu			X	
3603	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài			X	
3604	Cắt hẹp bao quy đầu (phimosis)			X	
3605	Mở rộng lỗ sáo			X	
3606	Nong niệu đạo			X	
3608	Dẫn lưu áp xe bìu/tinh hoàn			X	
	E. CHẤN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
	4. Bàn, ngón tay				
3711	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay			X	
	6. Khớp gối				
3756	Chọc hút máu tụ khớp gối, bó bột ống			X	
	9. Phần mềm (da, cơ, gân, thần kinh)				
3817	Chích áp xe phần mềm lớn			X	
3818	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn			X	
3821	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản			X	
3823	Cắt hoại tử tiếp tuyến từ dưới 10% diện tích cơ thể			X	
3824	Vá da đầy toàn bộ, diện tích dưới 10cm ²			X	
3825	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm			X	
	10. Nắn - Bó bột				
3867	Nắn, bó bột gãy xương chày			X	
3870	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân			X	
3871	Nắn, bó bột gãy xương gót			X	
3872	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân			X	
	11. Các kỹ thuật khác				
3898	Chích rạch áp xe lớn, dẫn lưu			X	
	G. CÁC PHẪU THUẬT KHÁC				
3925	Dẫn lưu áp xe cổ/áp xe tuyến giáp			X	

Chuyên khoa Nhi khoa đề nghị phê duyệt bổ sung: 127 kỹ thuật. Trong đó có 127 kỹ thuật đúng phân tuyến, 0 kỹ thuật vượt phân tuyến.

VI. TÂM THẦN

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN			
		KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	D. LIỆU PHÁP TÂM LÝ				
49	Liệu pháp giải thích hợp lý			X	
	E. XỬ TRÍ ĐIỀU TRỊ TÍCH CỰC				
66	Xử trí trạng thái bồn chồn bất an do thuốc hướng thần			X	

Chuyên khoa Tâm thần đề nghị phê duyệt bổ sung : 02 kỹ thuật. Trong đó có 02 kỹ thuật đúng phân tuyến, 0 kỹ thuật vượt phân tuyến.

VII. NỘI TIẾT

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
		3			
1	2	A	B	C	D
	1. Kỹ thuật chung				
3	Dẫn lưu áp xe tuyến giáp			X	
	8. Các kỹ thuật trên người bệnh đái tháo đường				
220	Tháo khớp ngón chân trên người bệnh đái tháo đường			X	
	9. Các kỹ thuật khác				
242	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp			X	

Chuyên khoa Nội tiết đề nghị phê duyệt bổ sung: 03 kỹ thuật. Trong đó có 03 kỹ thuật đúng phân tuyến, 0 kỹ thuật vượt phân tuyến.

VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN			
		KỸ THUẬT			
		3			
1	2	A	B	C	D
	A. KỸ THUẬT CHUNG				
22	Sắc thuốc thang			X	
24	Ngâm thuốc YHCT bộ phận			X	
27	Chườm ngải			X	
	E. ĐIỆN CHÂM				
295	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh			X	
310	Điện châm điều trị viêm mũi xoang			X	
311	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa			X	
314	Điện châm điều trị ù tai			X	
	G. THỦY CHÂM				
323	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu			X	
328	Thủy châm điều trị viêm amydan			X	
331	Thủy châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng			X	
345	Thủy châm điều trị cơn động kinh cục bộ			X	
347	Thủy châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh			X	
348	Thủy châm điều trị thống kinh			X	
349	Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt			X	
351	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình			X	
353	Thủy châm điều trị hen phế quản			X	
354	Thủy châm điều trị huyết áp thấp			X	
355	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính			X	
371	Thủy châm điều trị viêm mũi xoang			X	
372	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa			X	
380	Thủy châm điều trị đau hồ mắt			X	
	I. CỨU				
470	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn			X	
471	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn			X	
473	Cứu điều trị đau lưng thể hàn			X	
476	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn			X	
477	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn			X	

Chuyên khoa Y học cổ truyền đề nghị phê duyệt bổ sung: 26 kỹ thuật. Trong đó có 26 kỹ thuật đúng phân tuyển, 0 kỹ thuật vượt phân tuyển.

IX. GÂY MÊ HỒI SỨC

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
		3			
1	2	A	B	C	D
4	Cai máy thở bằng chế độ thở thông thường			X	
13	Chăm sóc catheter tĩnh mạch			X	
37	Đặt nội khí quản khi dạ dày đầy			X	
41	Đặt nội khí quản mò qua mũi			X	
44	Đặt nội khí quản qua mũi			X	
102	Kỹ thuật giảm đau bằng thuốc cho người bệnh sau phẫu thuật, sau chấn thương			X	
124	Xoay trở bệnh nhân thở máy			X	
133	Lưu kim luôn tĩnh mạch để tiêm thuốc			X	
141	Nuôi dưỡng bằng đường tĩnh mạch			X	
142	Nuôi dưỡng qua ống thông dạ dày			X	
146	Phát hiện, phòng, điều trị nhiễm khuẩn bệnh viện (vết phẫu thuật, catheter, hô hấp, tiết niệu...)			X	
148	Rửa tay phẫu thuật			X	
168	Theo dõi huyết áp không xâm lấn bằng máy			X	
202	Vệ sinh miệng ở bệnh nhân hồi sức			X	
204	Vô trùng phòng phẫu thuật, phòng tiêu phẫu hoặc buồng bệnh			X	

Chuyên khoa Gây mê hồi sức đề nghị phê duyệt bổ sung: 15 kỹ thuật. Trong đó có 15 kỹ thuật đúng phân tuyến, 0 kỹ thuật vượt phân tuyến.

X. NGOẠI KHOA

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
		3			
1	2	A	B	C	D
	C. TIẾT NIỆU-SINH DỤC				
	3. Bàng quang				
353	Bơm rửa bàng quang, bơm hoá chất			X	
	D. TIÊU HÓA				
	4. Ruột non- Mạc treo				
491	Gỡ dính sau mổ lại			X	
	5. Ruột thừa- Đại tràng				
509	Dẫn lưu áp xe ruột thừa			X	
	7. Tầng sinh môn				
567	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)			X	
	Đ. GAN - MẬT - TỤY				
	E. THÀNH BỤNG - CƠ HOÀNH - PHỨC MẠC				
	1. Thành bụng - cơ hoành				
699	Khâu vết thương thành bụng			X	
	G. CHÂN THƯƠNG – CHỈNH HÌNH				
	12. Vùng cổ tay-bàn tay				
860	Thương tích bàn tay giản đơn			X	

Chuyên khoa Ngoại khoa đề nghị phê duyệt bổ sung: 06 kỹ thuật. Trong đó có 06 kỹ thuật đúng phân tuyến, 0 kỹ thuật vượt phân tuyến.

XI. BỎNG

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN			
		KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. ĐIỀU TRỊ BỎNG				
	2. Phẫu thuật, thủ thuật điều trị bóng				
15	Rạch hoại tử bóng giải thoát chèn ép			X	
	3. Các kỹ thuật khác				
85	Chẩn đoán và cấp cứu bóng đường hô hấp			X	
86	Chẩn đoán và cấp cứu bóng đường tiêu hóa			X	
87	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bóng			X	

Chuyên khoa Bỏng đề nghị phê duyệt bổ sung: 04 kỹ thuật. Trong đó có 04 kỹ thuật đúng phân tuyến, 0 kỹ thuật vượt phân tuyến.

XII. UNG BƯỚU

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN			
		KỸ THUẬT			
		3			
1	2	A	B	C	D
	I. TIẾT NIỆU-SINH DỤC				
265	Cắt u lành dương vật			X	
	K. VÚ - PHỤ KHOA				
306	Cắt u thành âm đạo			X	
309	Bóc nang tuyến Bartholin			X	

Chuyên khoa Ung bướu đề nghị phê duyệt bổ sung: 03 kỹ thuật. Trong đó có 03 kỹ thuật đúng phân tuyến, 0 kỹ thuật vượt phân tuyến.

XIII. PHỤ SẢN

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN			
		KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. SẢN KHOA				
53	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung			X	
	B. PHỤ KHOA				
136	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa			X	
144	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo			X	
147	Cắt u thành âm đạo			X	
148	Lấy dị vật âm đạo			X	
149	Khâu rách cùng đồ âm đạo			X	
150	Làm lại thành âm đạo, tăng sinh môn			X	
151	Chích áp xe tuyến Bartholin			X	
152	Bóc nang tuyến Bartholin			X	
153	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh			X	
155	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tăng sinh môn			X	
156	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính			X	
157	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết			X	
159	Dẫn lưu cùng đồ Douglas			X	
160	Chọc dò túi cùng Douglas			X	
161	Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ			X	
164	Khám nam khoa			X	
174	Cắt u vú lành tính			X	
175	Bóc nhân xơ vú			X	
177	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần			X	
	C. SƠ SINH				
186	Đặt nội khí quản cấp cứu sơ sinh + thở máy			X	
189	Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn			X	
191	Chọc hút dịch, khí màng phổi sơ sinh			X	
192	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh			X	
193	Rửa dạ dày sơ sinh			X	
194	Ep tim ngoài lồng ngực			X	
195	Dẫn lưu màng phổi sơ sinh			X	
	D. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH				
222	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ			X	
227	Triệt sản nam (bằng dao hoặc không bằng dao)			X	
	E. PHÁ THAI				
238	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không			X	
239	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần			X	
240	Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ			X	
241	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không			X	

Chuyên khoa Phụ sản đề nghị phê duyệt bổ sung: 33 kỹ thuật. Trong đó có 33 kỹ thuật đúng phân tuyến, 0 kỹ thuật vượt phân tuyến.

XIV. MẮT

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ			
1	2	3			
		A	B	C	D
83	Cắt u da mi không ghép			X	
112	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mi			X	
166	Lấy dị vật giác mạc sâu			X	
167	Cắt bỏ chấp có bọc			X	
172	Khâu phục hồi bờ mi			X	
192	Cắt chỉ khâu giác mạc			X	
197	Bơm thông lệ đạo			X	
200	Lấy dị vật kết mạc			X	
204	Cắt chỉ khâu kết mạc			X	
206	Bơm rửa lệ đạo			X	
211	Rửa cùng đồ			X	
215	Rạch áp xe mi			X	
216	Rạch áp xe túi lệ			X	
				X	

Chuyên khoa Mắt đề nghị phê duyệt bổ sung: 13 kỹ thuật. Trong đó có 13 kỹ thuật đúng phân tuyến, 0 kỹ thuật vượt phân tuyến.

XV. TAI - MŨI - HỌNG

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN			
		KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	A. TAI - TAI THẦN KINH				
47	Cắt bỏ vành tai thừa			X	
	B. MŨI-XOANG				
138	Chọc rửa xoang hàm			X	
143	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê			X	
147	Hút rửa mũi, xoang sau mũi			X	
	C. HỌNG-THANH QUẢN				
174	Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/ gây mê)			X	
206	Chích áp xe sàn miệng			X	
207	Chích áp xe quanh Amidan			X	
214	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng			X	
220	Thay canuyn			X	
223	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê			X	

Chuyên khoa Tai mũi họng đề nghị phê duyệt bổ sung: 10 kỹ thuật. Trong đó có 10 kỹ thuật đúng phân tuyến, 0 kỹ thuật vượt phân tuyến.

XVIII. ĐIỆN QUANG

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN			
		KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)				
	1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy				
69	Chụp Xquang mặt thấp hoặc mặt cao			X	
88	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế			X	
92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chếch hai bên			X	
97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chếch hai bên			X	
110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng			X	
113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè			X	
120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên			X	
121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng			X	
122	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch			X	
123	Chụp Xquang đỉnh phổi uốn			X	

Chuyên khoa Điện quang đề nghị phê duyệt bổ sung: 10 kỹ thuật. Trong đó có 10 kỹ thuật đúng phân tuyến, 0 kỹ thuật vượt phân tuyến.

XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN			
		KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	E. MẮT				
79	Nghiệm pháp phát hiện glacom			X	
83	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)			X	
92	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...)			X	

Chuyên khoa Thăm dò chức năng đề nghị phê duyệt bổ sung: 03 kỹ thuật. Trong đó có 03 kỹ thuật đúng phân tuyến, 0 kỹ thuật vượt phân tuyến.

XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN			
		KỸ THUẬT			
		3			
1	2	A	B	C	D
	A. XÉT NGHIỆM ĐÔNG MÁU				
3	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) phương pháp thủ công			X	
7	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hoá (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time) (tên khác: TCK) phương pháp thủ công			X	
9	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) bằng máy bán tự động			X	
10	Thời gian thrombin (TT: Thrombin Time) phương pháp thủ công			X	
20	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy			X	
21	Co cục máu đông (Tên khác: Co cục máu)			X	
	C. TẾ BÀO HỌC				
120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)			X	
121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)			X	
123	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)			X	
124	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)			X	
125	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)			X	
139	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp tập trung hồng cầu nhiễm)			X	
140	Tìm giun chỉ trong máu			X	
152	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng phương pháp thủ công			X	
153	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng máy phân tích huyết học tự động			X	
154	Xét nghiệm các loại dịch, nhuộm và chẩn đoán tế bào học			X	
162	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng máy đếm tổng trở)			X	
163	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)			X	
	D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU				
279	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật ống nghiệm)			X	
291	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật ống nghiệm)			X	

Chuyên khoa Huyết học truyền máu đề nghị phê duyệt bổ sung: 20 kỹ thuật. Trong đó có 20 kỹ thuật đúng phân tuyến, 0 kỹ thuật vượt phân tuyến.

XXIII. HÓA SINH

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
		3			
		A	B	C	D
1	2				
	A. MÁU				
7	Định lượng Albumin			X	
24	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins)		@		
42	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase)		@		
43	Đo hoạt độ CK-MB (Isozym MB of Creatine kinase)		@		
103	Xét nghiệm Khí máu		@		
111	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase)		@		
118	Định lượng Mg		@		
159	Định lượng Troponin T		@		
161	Định lượng Troponin I		@		
	B. NƯỚC TIỂU				
175	Đo hoạt độ Amylase			X	
176	Định lượng Axit Uric			X	
180	Định lượng Canxi			X	
184	Định lượng Creatinin			X	
187	Định lượng Glucose			X	
194	Định tính Morphin (test nhanh)			X	
195	Định tính Codein (test nhanh)			X	
196	Định tính Heroin (test nhanh)			X	
	C. DỊCH NÃO TỦY				
207	Định lượng Glucose			X	
209	Định lượng Protein			X	
	E. DỊCH CHỌC ĐỎ (Dịch màng bụng, màng phổi, màng tim...)				
214	Định lượng Bilirubin toàn phần			X	
215	Định lượng Cholesterol toàn phần			X	
216	Định lượng Creatinin			X	
217	Định lượng Glucose			X	
219	Định lượng Protein			X	
221	Định lượng Triglycerid			X	
223	Định lượng Ure			X	
	G.CÁC KỸ THUẬT KHÁC				
244	Phản ứng CRP				

* 244 . Phản Ứng CRP trong thông tư 21/2017TT-BYT

Chuyên khoa Hóa sinh đề nghị phê duyệt bổ sung: 27 kỹ thuật. Trong đó có 19 kỹ thuật đúng phân tuyến, 08 kỹ thuật vượt phân tuyến.

XXIV. VI SINH

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
	B. VIRUS				
	2. Hepatitis virus				
122	HBsAb test nhanh			X	
130	HBeAg test nhanh			X	
133	HBeAb test nhanh			X	
155	HAV Ab test nhanh			X	
	6. Enterovirus				
225	EV71IgM/IgG test nhanh			X	
	7. Các virus khác				
249	Rotavirus test nhanh			X	
254	Rubella virus Ab test nhanh			X	

Chuyên khoa Vi sinh đề nghị phê duyệt bổ sung: 07 kỹ thuật. Trong đó có 07 kỹ thuật đúng phân tuyến.

XXV. GIẢI PHẪU BỆNH VÀ TẾ BÀO HỌC

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN			
		KỸ THUẬT			
1	2	3			
		A	B	C	D
1	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú			X	
2	Chọc hút kim nhỏ tuyến vú không dưới hướng dẫn của siêu âm, chụp vú			X	
14	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt			X	
15	Chọc hút kim nhỏ các hạch			X	
17	Chọc hút kim nhỏ tổn thương trong ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm			X	
20	Tế bào học dịch màng bụng, màng tim			X	
21	Tế bào học dịch màng khớp			X	
22	Tế bào học nước tiểu			X	
23	Tế bào học đờm			X	
26	Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang			X	
30	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm...các bệnh phẩm sinh thiết			X	
73	Lấy bệnh phẩm làm phiên đồ tế bào cổ tử cung – âm đạo		@		

Chuyên khoa Giải phẫu bệnh đề nghị phê duyệt bổ sung: 12 kỹ thuật. Trong đó có 11 kỹ thuật đúng phân tuyến, 01 kỹ thuật vượt phân tuyến.

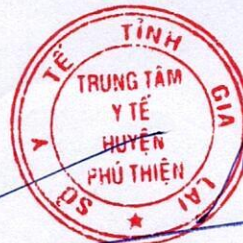
* Tổng danh mục đề nghị phê duyệt bổ sung: 340 kỹ thuật. Trong đó có 331 kỹ thuật đúng phân tuyến, 09 kỹ thuật vượt phân tuyến. *ph*

PHÊ DUYỆT SỞ Y TẾ GIA LAI



Nguyễn Đình Tuấn

GIÁM ĐỐC TTYT PHÚ THIÊN



Phạm Chí Quang